TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ GẠO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 198/2024/DS-ST
Ngày: 02/7/2024
V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Tuyết Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Lê Anh Chiến

2/ Ông Nguyễn Quốc Thuần

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Thuỳ Trang - thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên toà: Ông Ngô Thành Khánh Duy – Kiểm sát viên

Ngày 02 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 198/2024/TLST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2024/QĐXX-ST ngày 13 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn**: Lê Long H – sinh năm 1990;

Địa chỉ: ấp AT, xã MTA, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện uỷ quyền của anh H: Nguyễn Thị Huỳnh N – sinh năm 1988;

Địa chỉ: ấp ĐPT, xã ĐHP, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

*** Bị đơn**: Ngô Quốc B - sinh năm 1991;

Địa chỉ: ấp MT, xã MTA, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Võ Thị Thanh T - sinh năm 1991;

Địa chỉ: ấp Trung Thạnh, xã Trung Hoà, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Chỗ ở hiện nay: ấp MT, xã MTA, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Có mặt: ông B, chị N;

Bà T có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cũng N đại diện uỷ quyền của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huỳnh N trình bày:***

Ngày 01/02/2023 ông B và bà T (vợ ông B) có vay của ông H số tiền 840.000.000 đồng, mục đích là kinh doanh làm ăn, lãi suất 1,5%/01 tháng, trả lãi vào ngày 30 tây hàng tháng, thời hạn vay 6 tháng kể từ ngày 01/02/2023 đến hết ngày 01/8/2023.

Thực ra ông H cho ông B, bà T vay từ năm 2020 cho đến tháng 02 năm 2023 thì mới chốt nợ và làm biên nhận. Biên nhận là do ông H viết, ông B có ký tên, ghi họ tên và lăn tay vào bên vay tiền. Từ năm 2020 cho đến tháng 01 năm 2023 thì ông B có trả lãi cho ông H tổng cộng 105.200.000 đồng. Từ tháng 02 năm 2023 cho đến nay thì không trả lãi cho ông H nữa.

Còn đối với số tiền vốn thì tháng 10/2023 ông B có trả bớt 350.000.000 đồng rồi ngưng cho đến nay. Hiện nay, ông B nợ số tiền vốn gốc 490.000.000 đồng.

Nay ông H yêu cầu ông B, bà T trả số tiền vốn gốc 490.000.000 đồng và trả lãi từ ngày 01/11/2023 cho đến ngày xét xử với lãi suất 1,5%/01 tháng, tạm tính 44.100.000 đồng. Yêu cầu trả cả vốn và lãi khi án có hiệu lực pháp luật.

**** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Ngô Quốc B trình bày:***

Tôi và bà Võ Thị Thanh T là vợ cHng có đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã MTA vào năm 2015. Vợ tôi hiện nay có hộ khẩu ấp Trung Thạnh, xã Trung Hoà, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang Nng đang sống chung với tôi ở ấp MT, xã MTA, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Bà T chưa nhập hộ khẩu về xã MTA mà còn hộ khẩu ở xã Trung Hoà.

Ngày 01/02/2023 tôi có chốt nợ với ông H, theo đó tôi có vay của ông H số tiền 840.000.000 đồng, mục đích là kinh doanh làm ăn (kinh doanh tiền có nghĩa là tôi vay của ông H và cho người khác vay lại sau đó hưởng lãi suất chênh lệch), lãi suất 1,5%/01 tháng, trả lãi vào ngày 30 tây hàng tháng, không có thời hạn.

Thực ra tôi vay tiền của ông H từ đầu tháng 01 năm 2020 cho đến ngày 01 tháng 02 năm 2023 thì mới chốt nợ và làm biên nhận, tôi vay tiền nhiều lần. Biên nhận ngày 01/02/2023 là do ông H viết, tôi có ký tên, ghi họ tên và lăn tay vào bên vay tiền. Từ tháng 01 năm 2020 cho đến tháng 01 năm 2023 (trước khi chốt nợ) thì tôi có trả lãi cho ông H nhiều lần, số tiền bao nhiêu thì tôi không nhớ Nng ông H nói tôi trả lãi tổng cộng 105.200.000 đồng thì tôi cũng đồng ý, tôi cũng không có tài liệu nào chứng minh là tôi trả lãi cho ông H Nng tôi là người vay tiền nên tôi phải chịu lãi, do đó, số tiền lãi mà tôi đã đóng cho ông H 105.200.000 đồng thì tôi không yêu cầu và ý kiến gì trong vụ án này. Từ tháng 02 năm 2023 cho đến nay thì không trả lãi cho ông H nữa.

Còn đối với số tiền gốc thì tôi có trả bớt cho ông H 350.000.000 đồng. Hiện nay tôi còn nợ ông H số tiền vốn 490.000.000 đồng.

Mục đích tôi vay tiền là để kinh doanh với hình thức cho người khác vay lại với lãi suất cao hơn và hưởng chênh lệch, số tiền sinh lời từ việc cho vay lại thì tôi phục vụ cho sinh hoạt hàng ngày của tôi. Tôi vay tiền ông H vợ tôi không biết, đây là nợ của tôi nên tôi đồng ý một mình trả nợ cho ông H.

Việc Toà án áp dụng phong toả chiếc xe thì chiếc xe 63A – 135.96 là do vợ tôi là bà Võ Thị Thanh T đứng tên. Ở lần hoà giải trước tôi trình bày chiếc xe là tài sản chung hai vợ cHng Nng nay tôi thay đổi lời trình bày về chiếc xe đó là tài sản riêng của vợ tôi – bà T. Tuy nhiên, hiện nay chiếc xe 63A-135.96 thì hai vợ cHng tôi đang quản lý và sử dụng.

Nay ông H yêu cầu 02 vợ cHng tôi trả số tiền vốn gốc 490.000.000 đồng và trả lãi từ ngày 01/11/2023 cho đến ngày xét xử với lãi suất 1,5%/01 tháng, tạm tính 44.100.000 đồng

thì tôi đồng ý Nng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên tôi xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

**** Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Võ Thị Thanh T trình bày:***

Tôi và anh Ngô Quốc B là vợ cHng có đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã MTA năm 2015. Tôi hiện nay có hộ khẩu ấp Trung Thạnh, xã Trung Hoà, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang Nng đang sống chung với cHng và gia đình cHng ở ấp MT, xã MTA, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Chỗ ở hiện nay của tôi là ấp MT, xã MTA, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Nếu Toà có gửi văn bản tố tụng cho tôi thì tống đạt ở ấp MT, xã MTA, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Hiện nay hai vợ cHng tôi vẫn sống hạnh phúc bên nhà của gia đình cHng.

Ngày 01/02/2023 cHng tôi có chốt nợ với ông H, theo đó cHng tôi có vay của ông H số tiền 840.000.000 đồng, mục đích là kinh doanh làm ăn (kinh doanh tiền có nghĩa là cHng tôi vay của ông H và cho người khác vay lại sau đó hưởng lãi suất chênh lệch).

Thực ra cHng tôi vay tiền của ông H từ đầu tháng 01 năm 2020 cho đến ngày 01 tháng 02 năm 2023 thì mới chốt nợ và làm biên nhận, cHng tôi vay tiền nhiều lần. Biên nhận ngày 01/02/2023 là do ông H viết, cHng tôi có ký tên, ghi họ tên và lăn tay vào bên vay tiền. Từ tháng 01 năm 2020 cho đến tháng 01 năm 2023 (trước khi chốt nợ) thì cHng tôi có trả lãi cho anh H nhiều lần, số tiền lãi bao nhiêu thì cHng tôi không nhớ. Từ tháng 02 năm 2023 cho đến nay thì cHng tôi không trả lãi cho ông H nữa.

Còn đối với số tiền vốn thì cHng tôi có trả bớt cho ông H 350.000.000 đồng. Hiện nay cHng tôi còn nợ ông H số tiền vốn 490.000.000 đồng.

Mục đích cHng tôi vay tiền là để kinh doanh với hình thức cho người khác vay lại với lãi suất cao hơn và hưởng chênh lệch, số tiền sinh lời từ việc cho vay lại thì cHng tôi phục vụ cho sinh hoạt hàng ngày của anh ấy. CHng tôi – ông B vay tiền thì tôi không biết nên tôi không đồng ý cùng cHng tôi trả nợ cho ông H.

Chiếc xe 63A – 135.96 là do tôi đứng tên. Đây là xe của tôi, mặc dù tôi mua chiếc xe trong thời kỳ hôn nhân Nng đây là xe của riêng tôi, tôi tự làm và có tiền mua xe nên tôi không đồng ý phát mãi hay sử dụng chiếc xe này để đảm bảo khoản vay của cHng tôi.

Nay ông H yêu cầu 02 vợ cHng tôi trả số tiền vốn gốc 490.000.000 đồng và trả lãi từ ngày 01/11/2023 cho đến ngày xét xử với lãi suất 1,5%/01 tháng, tạm tính 44.100.000 đồng thì tôi không đồng ý bởi vì đó là nợ riêng của ông B.

**** Tại phiên toà, đại diện uỷ quyền của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Huỳnh N trình bày:*** ông B vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, ông H yêu cầu ông B, bà T có trách nhiệm liên đới trả cho ông H số tiền vốn là 490.000.000 đồng; trong quá trình Toà án thụ lý giải quyết thì ông H có chuyển khoản cho ông B số tiền 3.000.000 đồng nên ông B đồng ý trừ số tiền này vào khoản tiền lãi mà ông H yêu cầu, ông H yêu cầu tính lãi từ ngày 01/11/2023 đến ngày xét xử, tính chẵn 8 tháng, với lãi suất 1,5%/01 tháng, cụ thể: 490.000.000 đồng x 1,5% x 08 tháng = 58.800.000 đồng – 3.000.000 đồng = 55.800.000 đồng, tổng cộng vốn và lãi 545.800.000 đồng. Khi vay tiền của ông H thì ông B nói vay tiền về để mua xe phục vụ cho việc đi lại của hai vợ cHng và kinh doanh dưới hình thức cho người khác vay lại để hưởng lãi suất chênh lệch, tiền lãi thu được phục vụ cho nhu cầu thiết yếu của hai vợ cHng nên ông H yêu cầu ông B, bà T liên đới trả cả vốn và lãi ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

**** Tại phiên toà, bị đơn Ngô Quốc B trình bày:*** ông B thừa nhận vào khoảng thời gian từ đầu tháng 01 năm 2020 cho đến ngày 01 tháng 02 năm 2023 thì ông B vay tiền của ông H

rất nhiều lần. Đến ngày 01 tháng 02 năm 2023 thì ông B mới làm biên nhận chốt nợ với ông H. Theo đó, ông B có vay của ông H số tiền vốn tổng cộng 840.000.000 đồng, mục đích kinh doanh làm ăn, lãi suất 1,5%/01 tháng, trả lãi hàng tháng, thời hạn đến ngày 01/8/2023, giấy mượn tiền ngày 01/2/2023 là do ông H viết, ông B ký tên, ghi họ tên và lăn tay vào biên nhận. Trong quá trình Toà án thụ lý giải quyết vụ án, ông B có chuyển trả cho ông H số tiền 3.000.000 đồng, ông B đồng ý đó là trả tiền lãi và đồng ý khấn trừ vào số tiền lãi mà ông H yêu cầu. Ông B thừa nhận còn nợ ông H số tiền vốn 490.000.000 đồng và ông B đồng ý trả lãi từ ngày 01/11/2023 đến ngày xét xử, lãi suất 1,5%/01 tháng, tính chẵn 08 tháng, cụ thể: 490.000.000 đồng x 1,5% x 08 tháng = 58.800.000 đồng – 3.000.000 đồng = 55.800.000 đồng, tổng cộng vốn và lãi 545.800.000 đồng. Ông B đồng ý trả khi án có hiệu lực pháp luật.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo phát biểu quan điểm:***

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng quy định pháp luật.

+ Về nội dung: Ông B thống nhất còn nợ ông H số tiền vốn 490.000.000 đồng và ông B cũng đồng ý trả số tiền lãi 55.800.000 đồng, tổng cộng cả vốn và lãi 545.800.000 đồng. Qua lời trình bày của bà T trong bản tự khai và biên bản hoà giải cho thấy bà T biết việc vay tiền của ông B, giao dịch vay tiền phát sinh trong thời kỳ hôn nhân. Đồng thời ông B trình bày vay tiền để kinh doanh, việc sinh lời phục vụ nhu cầu cuộc sống của gia đình nên ý kiến bà T không đồng ý trả số nợ trên là không có cơ sở chấp nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H, buộc ông B, bà T trả cho ông H số tiền cả vốn và lãi 545.800.000 đồng, trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong H sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh H khởi kiện yêu cầu ông B, bà T trả cho ông số tiền vay, do đó Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ông B là bị đơn cư trú: ấp MT, xã MTA, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang nên căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Bà T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Toà án căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà T.

[2] Đối với yêu cầu khởi kiện của ông H, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về số tiền vốn: Ông H trình bày ông cho ông B vay tiền nhiều lần từ đầu tháng 01 năm 2020. Đến ngày 01 tháng 02 năm 2023 thì ông H và ông B chốt nợ, ông B vay của ông H số tiền vốn 840.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình ông H có cung cấp bản chính giấy mượn tiền ngày 01 tháng 02 năm 2023, theo biên nhận thì ông B có vay của ông H số tiền vốn 840.000.000 đồng, mục đích vay kinh doanh làm ăn, lãi suất 1,5%/tháng, trả lãi vào ngày 30 tây hàng tháng, thời hạn vay 06 tháng (tức đến ngày 01/8/2023) sẽ trả dứt nợ. Tuy nhiên thì đến tháng 10 năm 2023 thì ông B có trả bớt cho ông H số tiền vốn 350.000.000 đồng nên ông B còn nợ lại số tiền vốn 490.000.000 đồng. Lời trình bày của ông H thì ông B cũng thừa nhận, ông B có vay tiền của ông H trong thời gian từ đầu tháng 01 năm 2020 cho đến ngày 01 tháng 02 năm 2023 thì ông B có chốt nợ với ông H,

ông B thừa nhận vay ông H tổng cộng số tiền vốn 840.000.000 đồng, sau đó tháng 10 năm 2023 thì ông có trả bớt cho ông H số tiền vốn 350.000.000 đồng nên ông B còn nợ ông H số tiền vốn 490.000.000 đồng. Do đó, ông H yêu cầu ông B trả cho ông số tiền vốn 490.000.000 đồng là có căn cứ và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về số tiền lãi: Ông H trình bày trong suốt quá trình vay từ đầu tháng 01 năm 2020 cho đến tháng 10/2023 DL thì ông B có trả cho ông tổng cộng số tiền lãi là 105.200.000 đồng và ông B cũng thừa nhận ông có đóng cho ông H lãi rất nhiều lần, không nhớ cụ thể bao nhiêu và khi đóng lãi cho ông H thì ông H không có làm biên nhận gì cho ông, tuy nhiên ông B cho rằng ông vay thì ông phải chịu lãi, không yêu cầu Toà án xem xét các khoản lãi đã đóng cho ông H nên Hội đồng xét xử không xem xét số tiền lãi này.

Ông B đồng ý trả cho ông H số tiền lãi từ ngày 01/11/2023 đến ngày xét xử, lãi suất 1,5%/01 tháng, tính chẵn 08 tháng, trong thời gian Toà án thụ lý giải quyết vụ án thì ông B có chuyển cho ông H số tiền 3.000.000 đồng, ông cũng đồng ý khấn trừ số tiền 3.000.000 đồng vào số tiền lãi mà ông H yêu cầu, cụ thể ông B đồng ý trả cho ông H số tiền lãi: 490.000.000 đồng x 1,5% x 08 tháng = 58.800.000 đồng – 3.000.000 đồng = 55.800.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, thời gian tính lãi, mức lãi suất mà ông H yêu cầu phù hợp với quy định pháp luật và ông B cũng đồng ý. Do đó, ông H yêu cầu ông B trả số tiền lãi 55.800.000 đồng là có căn cứ và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về trách nhiệm liên đới trả nợ: Ông H yêu cầu ông B, bà T có trách nhiệm liên đới trả cho ông số tiền cả vốn và lãi 545.800.000 đồng. Ông H trình bày ông B vay tiền của ông nhằm mục đích kinh doanh và mua xe ô tô để phục vụ cho việc đi lại của hai vợ cHng. Ông B cho rằng ông vay tiền nhằm mục đích kinh doanh (cụ thể là lấy tiền vay cho người khác vay lại và hưởng khoản tiền lãi chênh lệch), tiền sinh lợi phục vụ cho cá nhân ông B. Lời trình bày của ông B có nhiều mâu thuẫn qua các biên bản hoà giải tại Toà ngày 27/5/2024 và ngày 13/6/2024, có lúc ông B cho rằng chiếc xe là tài sản chung vợ cHng, có lúc là tài sản riêng bà T, do đó, ông B cho rằng việc vay tiền không dùng để mua xe là không có căn cứ. Hơn nữa, ông B trình bày từ trước đến nay và đến thời điểm hiện tại hai vợ cHng vẫn sử dụng chiếc xe ô tô trên để làm phương tiện đi lại và tại biên bản hoà giải ngày 27 tháng 5 năm 2024 ông B còn trình bày do làm ăn thua lỗ nên cách đây vài tháng ông định bán chiếc xe trên để xoay sở, trả nợ Nng do bị Toà án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời nên không chuyển Nợng được. Còn bà T trình bày lúc ông B vay tiền của ông H thì bà không biết, sau này bà mới biết, qua biên bản hoà giải ở Toà thì bà T biết ông B vay của ông H số tiền vốn 840.000.000 đồng, đến tháng 10/2023 thì trả bớt 350.000.000 đồng, biết đến thời điểm này ông B còn nợ ông H số tiền vốn 490.000.000 đồng, bà cho rằng đây là nợ riêng ông B, tiền sinh lợi từ việc kinh doanh của ông B phục vụ cho nhu cầu riêng của ông B, không dùng tiền vay để mua xe Nng bà T không cung cấp tài liệu chứng cứ nào để chứng minh nguồn tiền bà mua xe là từ đâu mà có, từ đó cho thấy bà đã từ bỏ quyền chứng minh của mình. Chiếc xe ô tô biển số 63A – 135.96 ngày đăng ký xe 21/02/2020 do bà Võ Thị Thanh T đứng tên sau ngày ông B vay tiền (đầu tháng 01 năm 2020) nên việc ông B vay tiền ông H ngoài mục đích kinh doanh thì dùng để mua xe là có căn cứ. Thêm vào đó, giao dịch vay tiền phát sinh trong thời kỳ ông B, bà T có mối quan hệ hôn nhân hợp pháp, vợ cHng chung sống hạnh phúc. Do đó, ông H khởi kiện yêu cầu ông B, bà T có trách nhiệm liên đới trả số tiền cả vốn và lãi là có căn cứ.

Từ những phân tích trên, ông H khởi kiện yêu cầu ông B, bà T có nghĩa vụ trả cho ông số tiền cả vốn và lãi 545.800.000 đồng, thời hạn trả khi án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án Toà án có ra Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 09/2024/QĐ-BPKCTT ngày 03/5/2024 về việc phong toả xe: biển số 63A-135.96, ngày đăng ký: 21/02/2020, loại xe: ô tô con nhãn hiệu MITSUBISHI, số loại: XPANDER GLP, màu sơn: trắng, số máy: 4A91HL1226, số khung: MK2XRNC1WKN069151, dung tích xi lanh: 1499 cm^3, năm sản xuất: 2019, số chỗ ngồi:07 chỗ, khối lượng bản thân: 1240 kg, khối lượng toàn bộ: 1780 kg, chủ xe: Võ Thị Thanh T, địa chỉ: ấp Trung Thạnh, xã Trung Hoà, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Để đảm bảo cho quá trình thi hành án nên tiếp tục duy trì Quyết định số 09/2024/QĐ-BPKCTT ngày 03/5/2024 của Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo.

[4] Về thời hiệu khởi kiện: Do các bên không có ai yêu cầu về thời hiệu khởi kiện nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 không xem xét về thời hiệu khởi kiện.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của ông H được chấp nhận nên ông B, bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[7] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 4 Điều 91, Điều 94, Điều 95, Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng Điều 27, Điều 30, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 357, Điều 463; Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Long H.

Buộc ông Ngô Quốc B, bà Võ Thị Thanh T có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Lê Long H số tiền vốn 490.000.000 đồng và tiền lãi 55.800.000 đồng, tổng cộng cả vốn và lãi 545.800.000 đồng, thời gian trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông B, bà T chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 09/2024/QĐ-BPKCTT ngày 03/5/2024 của Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

3. Về án phí: Ông Ngô Quốc B, bà Võ Thị Thanh T phải chịu 25.832.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho ông Lê Long H số tiền 12.682.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0007503 ngày 25 tháng 4 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

4. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng đối với đương sự vắng mặt thời hạn trên tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự;
- Lưu H sơ;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Tuyết Hạnh